

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22-01-2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thắng

Ông Trần Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T (tên gọi khác là Nguyễn Thị T), sinh năm 1978;

Nơi thường trú: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Phạm Trọng T1, sinh năm 1973;

Đăng ký thường trú: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Hiện đang cư trú tại: Hàn Quốc.

Tại phiên tòa: Chị T, anh T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Trọng T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 01 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do

tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện tại anh **T1** đang lao động và cư trú tại Hàn Quốc còn chị sinh sống, cư trú tại Việt Nam; khoảng cách địa lý xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Phạm Trọng T1**.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có ba con chung là cháu **Phạm Thu T2**, sinh ngày 19-11-1997, cháu **Phạm Ngọc Á**, sinh ngày 29-01-2001 và cháu **Phạm Trọng K**, sinh ngày 19-12-2005. Hiện nay ba con chung đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai, bị đơn là anh **Phạm Trọng T1** trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị **T** trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sau đó anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc còn chị **T** sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Đến nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, vì vậy anh cũng đồng ý ly hôn với chị **T**.

Về con chung: Vợ chồng anh có ba con chung như chị **T** trình bày, hiện nay các con đều đã trưởng thành, vì vậy anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử lý hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị Bích T** và anh **Phạm Trọng T1**.

Án phí: Chị **T** phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Bích T** và anh **Phạm Trọng T1** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **T**, anh **T1**.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Trọng T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16-01-1996 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, nên là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay, anh T1 đang cư trú và làm việc tại Hàn Quốc còn chị T sinh sống ở Việt Nam; anh chị đều xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, không thể hàn gắn; chị T xin ly hôn, anh T1 đồng lý ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại, nên xử cho anh chị ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có ba con chung là các cháu Phạm Thu T2, sinh ngày 19-11-1997, cháu Phạm Ngọc Á, sinh ngày 29-01-2001 và cháu Phạm Trọng K, sinh ngày 19-12-2005. Hiện nay ba con chung đều đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T (Nguyễn Thị T) và anh Phạm Trọng T1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0005651 ngày 01-11-2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Liên Minh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Nghĩa Châu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng

